



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Mạch điện - MH1102028

Mã lớp học phần: MH110202801

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Ngày thi: 13/04/2021

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: Trần Thị Nguyễn Ký tên: mm
Giám thị 2: Đỗ Trung Sơn Ký tên: thuy
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010030029	Trần Ngọc Hoài Bảo	27/04/2002	<u>Bao</u>		4,5	Bốn Năm	C22DDT	
2	2010030013	Ngô Thành Đạt	06/12/2000	<u>Đạt</u>		5,0	Năm Không	C22DDT	
3	2010030015	Trần Võ Trường Giang	08/05/2002	<u>Giang</u>		7,5	Bảy Năm	C22DDT	
4	2010030033	Lương Chánh Hưng	21/12/2002	<u>Hung</u>		5,0	Năm Không	C22DDT	
5	2010030011	Nguyễn Lý Khang	16/03/2002	<u>Khang</u>		6,0	Sáu Không	C22DDT	
6	2010030014	Lê Hoàng Khải	01/11/2002	<u>Khail</u>		5,5	Năm Năm	C22DDT	
7	2010030018	Nguyễn Đông Khoa	19/12/2002	<u>Khoa</u>		6,0	Sáu Không	C22DDT	
8	2010030007	Mô Tuấn Kiệt	01/07/2002	<u>Kiet</u>		5,0	Năm Không	C22DDT	
9	2010030026	Trương Quốc Lượng	04/09/2002	<u>Luong</u>		5,5	Năm Năm	C22DDT	
10	2010030017	Nguyễn Trung Nguyên	05/02/2002	<u>Nguyen</u>		5,5	Năm Năm	C22DDT	
11	2010030002	Trần Minh Nhựt	13/12/2002	<u>Nhut</u>		5,5	Năm Năm	C22DDT	
12	2010030019	Nguyễn Trường Phi	10/11/2002	<u>Phi</u>		8,0	Tám Không	C22DDT	
13	2010030008	Trần Hoài Phong	24/04/2002	<u>Phong</u>		5,5	Năm Năm	C22DDT	
14	2010030009	Đặng Văn Quý	01/12/2002	<u>Quy</u>		6,5	Sáu Năm	C22DDT	
15	2010030016	Lê Tấn Tài	19/10/2002	<u>Tai</u>		4,0	Bốn Không	C22DDT	
16	2010030027	Nguyễn Tấn Tài	15/01/2002	<u>Tai</u>		3,5	Ba Năm	C22DDT	
17	2010030010	Đặng Minh Tân	09/08/2002	<u>Tan</u>		6,0	Sáu Không	C22DDT	
18	2010030006	Nguyễn Hoàng Thắng	04/06/2001	<u>Thang</u>		4,5	Bốn Năm	C22DDT	
19	2010030028	Nguyễn Văn Thống	08/02/2002	<u>Thong</u>		6,0	Sáu Không	C22DDT	
20	2010030012	Nguyễn Trọng Tín	29/08/2002	<u>Tin</u>		4,0	Bốn Không	C22DDT	
21	2010030032	Phan Thị Quế Trân	27/10/2002	<u>Tran</u>		4,0	Bốn Không	C22DDT	
22	2010030031	Lê Quốc Tuấn	04/01/2002	<u>Tuan</u>		6,5	Sáu Năm	C22DDT	
23	2010030004	Trần Thiên Tứ	18/10/2002	<u>Tu</u>		4,0	Bốn Không	C22DDT	
24	2010030003	Hồ Phúc Viên	24/04/2002	<u>Vien</u>		5,0	Năm Không	C22DDT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 24 / 24 .

Số sinh viên đạt: 23 Tỷ lệ đạt: 96 %

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS NG T Nguyệt Hoa

TRƯỜNG C
E
PHẠO

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Mạch điện - MH1102028

Giám thị 1: Ng T N Hoa Ký tên: Hoa

Mã lớp học phần: MH110202801

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 17.3.21 Giờ thi: 8h00 Phòng thi: A1.13

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010030029	Trần Ngọc Hoài Bảo	27/04/2002	<u>Bảo</u>	5.0	Năm không	C22DDT	
2	2010030013	Ngô Thành Đạt	06/12/2000	<u>Dat</u>	7.0	Bảy không	C22DDT	
3	2010030015	Trần Võ Trường Giang	08/05/2002	<u>Giang</u>	9.0	Chín không	C22DDT	
4	2010030033	Lương Chánh Hưng	21/12/2002	<u>Hung</u>	6.0	Sáu không	C22DDT	
5	2010030011	Nguyễn Lý Khang	16/03/2002	<u>Khang</u>	7.0	Bảy không	C22DDT	
6	2010030014	Lê Hoàng Khải	01/11/2002	<u>Khail</u>	5.0	Năm không	C22DDT	
7	2010030018	Nguyễn Đông Khoa	19/12/2002	<u>Khoa</u>	5.5	Năm Năm	C22DDT	
8	2010030007	Võ Tuấn Kiệt	01/07/2002	<u>Kiet</u>	6.0	Sáu không	C22DDT	
9	2010030026	Trương Quốc Lượng	04/09/2002	<u>Luong</u>	7.5	Bảy Năm	C22DDT	
10	2010030017	Nguyễn Trung Nguyên	05/02/2002	<u>Nguyen</u>	6.0	Sáu không	C22DDT	
11	2010030002	Trần Minh Nhựt	13/12/2002	<u>Nhut</u>	7.5	Bảy Năm	C22DDT	
12	2010030019	Nguyễn Trường Phi	10/11/2002	<u>Phi</u>	10.0	Mười	C22DDT	
13	2010030008	Trần Hoài Phong	24/04/2002	<u>Phong</u>	8.0	Tám không	C22DDT	
14	2010030009	Đặng Văn Quý	01/12/2002	<u>Quy</u>	7.0	Bảy không	C22DDT	
15	2010030016	Lê Tấn Tài	19/10/2002	<u>Tai</u>	5.5	Năm Năm	C22DDT	
16	2010030027	Nguyễn Tấn Tài	15/01/2002	<u>Tai</u>	6.0	Sáu không	C22DDT	
17	2010030010	Đặng Minh Tân	09/08/2002	<u>Tan</u>	6.0	Sáu không	C22DDT	
18	2010030006	Nguyễn Hoàng Thắng	04/06/2001	<u>Thang</u>	7.0	Bảy không	C22DDT	
19	2010030028	Nguyễn Văn Thống	08/02/2002	<u>Thong</u>	7.0	Bảy không	C22DDT	
20	2010030012	Nguyễn Trọng Tín	29/08/2002	<u>Tin</u>	6.0	Sáu không	C22DDT	
21	2010030032	Phan Thị Quế Trân	27/10/2002	<u>Tran</u>	6.5	Sáu Năm	C22DDT	
22	2010030031	Lê Quốc Tuấn	04/01/2002	<u>Tuan</u>	8.0	Tám không	C22DDT	
23	2010030004	Trần Thiên Tứ	18/10/2002	<u>Tu</u>	5.0	Năm không	C22DDT	
24	2010030003	Hồ Phúc Viên	24/04/2002	<u>Vien</u>	5.0	Năm không	C22DDT	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 0 . Số bài thi: 24 / 24 .Số sinh viên đạt/không đạt: 24 / 0Tỷ lệ đạt: 100 , 0 %Ngày 15 tháng 4 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 15 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Th.S Ng T Nguyệt Hoa

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Mạch điện - MH1102028

Giám thị 1: Ng T N Hoa Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: MH110202801

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa - (02005)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 03/3/21 Giờ thi: 8h00 Phòng thi: A 2, 13

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010030029	Trần Ngọc Hoài Bảo	27/04/2002	<u>Bao</u>	6.0	Sau không	C22DDT	
2	2010030013	Ngô Thành Đạt	06/12/2000	<u>Dat</u>	7.0	Bây không	C22DDT	
3	2010030015	Trần Võ Trường Giang	08/05/2002	<u>Giang</u>	9.0	chỉn không	C22DDT	
4	2010030033	Lương Chánh Hưng	21/12/2002	<u>Hung</u>	8.0	Tam không	C22DDT	
5	2010030011	Nguyễn Lý Khang	16/03/2002	<u>Khang</u>	7.0	Bay không	C22DDT	
6	2010030014	Lê Hoàng Khải	01/11/2002	<u>Khail</u>	5.0	Nam không	C22DDT	
7	2010030018	Nguyễn Đông Khoa	19/12/2002	<u>Khoa</u>	7.0	Bay không	C22DDT	
8	2010030007	Võ Tuấn Kiệt	01/07/2002	<u>Kiet</u>	7.0	Bay không	C22DDT	
9	2010030026	Trương Quốc Lượng	04/09/2002	<u>Luong</u>	7.0	Bay không	C22DDT	
10	2010030017	Nguyễn Trung Nguyên	05/02/2002	<u>Nguyen</u>	7.0	Bay không	C22DDT	
11	2010030002	Trần Minh Nhựt	13/12/2002	<u>Nhut</u>	7.0	Bay không	C22DDT	
12	2010030019	Nguyễn Trường Phi	10/11/2002	<u>Phi</u>	10	Mười	C22DDT	
13	2010030008	Trần Hoài Phong	24/04/2002	<u>Phong</u>	7.0	Bay không	C22DDT	
14	2010030009	Đặng Văn Quý	01/12/2002	<u>Quy</u>	6.0	Sau không	C22DDT	
15	2010030016	Lê Tấn Tài	19/10/2002	<u>Tai</u>	5.0	Nam không	C22DDT	
16	2010030027	Nguyễn Tấn Tài	15/01/2002	<u>Tai</u>	6.0	Sau không	C22DDT	
17	2010030010	Đặng Minh Tân	09/08/2002	<u>Tan</u>	5.0	Nam không	C22DDT	
18	2010030006	Nguyễn Hoàng Thắng	04/06/2001	<u>Thang</u>	5.0	Nam không	C22DDT	
19	2010030028	Nguyễn Văn Thống	08/02/2002	<u>Thong</u>	7.0	Bay không	C22DDT	
20	2010030012	Nguyễn Trọng Tín	29/08/2002	<u>Tin</u>	6.0	Sau không	C22DDT	
21	2010030032	Phan Thị Quế Trân	27/10/2002	<u>Tran</u>	6.0	Sau không	C22DDT	
22	2010030031	Lê Quốc Tuấn	04/01/2002	<u>Tuan</u>	7.0	Bay không	C22DDT	
23	2010030004	Trần Thiên Tứ	18/10/2002	<u>Tu</u>	7.0	Bay không	C22DDT	
24	2010030003	Hồ Phúc Viên	24/04/2002	<u>Vien</u>	7.0	Bay không	C22DDT	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 0 Số bài thi: 24 / 24Số sinh viên đạt/không đạt: 24 / 0Tỷ lệ đạt: 100 , 0 %Ngày: 15 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

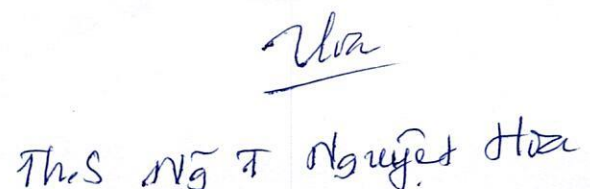


ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày: 15 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Ngô Thị Nguyệt Hoa